

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

THẦN THOẠI HY LẠP VỚI SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG TRONG TRIẾT HỌC HY LẠP CỔ ĐẠI

ĐINH THANH XUÂN (*)

Bài viết phân tích thần thoại Hy Lạp với tính cách cội nguồn lý luận cho sự hình thành tư tưởng biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại. Theo tác giả, các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã tiếp nhận có phê phán những tư tưởng trong thần thoại Hy Lạp để xây dựng nên những học thuyết nói chung và tư tưởng biện chứng nói riêng. Nói cách khác, giữa thần thoại và triết học Hy Lạp cổ đại luôn có mối liên hệ mang tính phát sinh thể hiện ở sự thống nhất phương pháp nhìn nhận thế giới.

Trong kho tàng văn hoá cổ đại, thần thoại Hy Lạp là một đỉnh cao xán lạn. Ngay từ khi mới xuất hiện, thần thoại Hy Lạp không chỉ là nguồn cảm hứng bất tận cho văn học, thơ ca, hội hoạ, điêu khắc, kiến trúc..., mà còn trở thành cội nguồn lý luận cho sự hình thành tư tưởng biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại. Chính vai trò này đã góp phần đem lại cho thần thoại Hy Lạp vị thế của một di sản văn hoá nhân loại cho đến tận ngày nay. Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng làm rõ vai trò đó của thần thoại Hy Lạp.

Như chúng ta đều biết, Thần thoại Hy Lạp là những truyền thuyết về các vị thần và những người anh hùng của đất nước Hy Lạp cổ đại. Thoạt đầu, thần thoại Hy Lạp là những câu chuyện thơ truyền khẩu qua nhiều thế hệ. Những câu chuyện đó tồn tại đến ngày nay nhờ sự ghi chép của nhiều thế hệ người Hy Lạp sau này mà đôi khi chúng còn được bổ sung thêm bằng những lời giải thích về các ý nghĩa biểu tượng hoặc các hàm ý khác mang tính hiện đại hoặc cổ điển.

Trong các truyền thuyết, câu chuyện và trường ca, tất cả các vị thần của Hy Lạp cổ

đại đều được miêu tả giống như hình dáng con người, ngoại trừ một số sinh vật nửa người nửa thú như các nhân sư. Mỗi vị thần có một hình dáng, một nguồn gốc, một sở thích, một cá tính và một lĩnh vực chuyên môn mà họ quản lý; tuy nhiên, việc miêu tả các vị thần này thường xuất phát từ các dị bản khác nhau, nên không phải lúc nào hình ảnh các thần cũng trùng khớp. Khi các vị thần được vinh danh trong thơ ca hoặc khi được con người sử dụng như một biểu tượng trong lúc cầu nguyện thì thần thường được gắn với một trách nhiệm nào đó để phân biệt với các hình ảnh khác của thần.

Trong thế giới của các vị thần, trách nhiệm của một vị thần có thể phản ánh một khía cạnh đặc biệt nào đó trong vị trí hay vai trò của vị thần ấy. Ví dụ, *Apollo - vị Thần thơ ca* được coi là người bảo trợ cho nghệ thuật: thơ, ca, nhạc, họa; thần đứng đầu các tiên nữ thơ ca là *Muse*. Và trách nhiệm của một vị thần cũng có thể được sử dụng để phân biệt một khía cạnh đặc biệt nào đó của một vị

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

thần này so với một vị thần khác.

Trong thần thoại Hy Lạp, các vị thần được miêu tả là những người thuộc cùng một gia đình đa thế hệ. Mười hai vị thần trên đỉnh Ôlimpia là các vị thần quen thuộc nhất với tôn giáo và nghệ thuật Hy Lạp và được miêu tả trong các sử thi có hình dáng của con người trong "Thời đại của các anh hùng". Cuộc sống thần thánh và những lời răn dạy của các vị thần này được coi là những bài học mà tổ tiên người Hy Lạp đã phải học để có được các kỹ năng sống cần thiết, có lòng kính trọng thần thánh, biết đề cao đức hạnh và trừng phạt tội lỗi. Các vị thần nửa người, nửa thần cũng được coi là các "anh hùng" và cho đến khi đất nước Hy Lạp thiết lập được thể chế dân chủ, người Hy Lạp vẫn coi các vị thần này là tổ tiên của họ, là những người có công đầu trong việc dựng nước, tạo lập cuộc sống và mang lại những chiến công hiển hách cho dân tộc Hy Lạp.

Mặc dù tất cả các nền văn hóa trên thế giới đều có thần thoại riêng của mình, song thuật ngữ "thần thoại" trong các ngôn ngữ phương Tây (*mythology* trong tiếng Anh, *mythologie* trong tiếng Pháp, *mitología* trong tiếng Tây Ban Nha...) đều bắt nguồn từ ngôn ngữ Hy Lạp: *μυθολογία* (*mythologia*) - Thần thoại và mang một ý nghĩa đặc biệt trong văn hóa Hy Lạp. Thuật ngữ Hy Lạp *mythologia* là một từ ghép gồm hai từ đơn: *mythos* (trong trường ca Homer có nghĩa là "một bài diễn văn hay bài diễn ca được nghi thức hóa" của một thủ lĩnh nào đó ở nơi hội họp, hay của một nhà thơ hoặc một thầy cúng tế) và *logos* - (trong tiếng Hy Lạp cổ mang nghĩa là "một câu chuyện có sức thuyết phục, một lập luận chặt chẽ").

Do vậy, trong nền văn hoá Hy Lạp cổ đại, thần thoại được coi là một phương thức cảm nhận thế giới một cách phổ quát và mang tính khởi thủy của người Hy Lạp cổ đại. Với nhiều dân tộc, thần thoại chỉ được coi là những câu chuyện cổ tích, là sự tưởng tượng

ngây thơ về một cái gì đó không có thực. Còn đối với người Hy Lạp cổ đại thì thần thoại là những câu chuyện, truyền thuyết về các sự kiện có thật, chứa đựng nội dung thiêng liêng, thần thánh về sự hình thành thế giới. Đó không phải đơn giản là một hiện thực, mà chính là hiện thực tối cao. Mang tính khuôn mẫu mà không có cái gì hiện thực hơn nó cả. Thần thoại là cái được nói ra, nghĩa là tự chỉ ra, tự hiện ra chính bản thân mình và do vậy, nó không phải là đối tượng để tranh luận, không cần đến những sự chứng minh, không cần minh biện mà mọi người vẫn tin.

Với người Hy Lạp cổ đại, thần thoại còn là cái mà thế giới nói với con người thông qua những biểu tượng. Trong thế giới luôn có sự tồn tại của cái sống, cái chết, của sông, núi, cỏ cây, hoa trái, của các nghề thủ công, của làng mạc, thành phố..., và tất cả những cái này đều là thực tại. Thần thoại vạch ra bản chất, cội nguồn của những thực tại ấy, thể hiện chúng qua ngôn ngữ thi ca và do vậy, tư duy thần thoại là tư duy thơ ca. Với người Hy Lạp cổ đại, cội nguồn - đó không chỉ đơn giản là một cái gì đó đã từng tồn tại. Do vậy, khi coi cội nguồn là cái khởi thủy, bản nguyên, chủ yếu, chân thực, người Hy Lạp cổ đại đã sử dụng những cội nguồn này để giải thích cái hiện tại.

Chẳng hạn, trong các câu chuyện thần thoại về nguồn gốc các thần, người Hy Lạp cổ đại cho rằng, xa xưa, thuở trời đất còn là một khối hỗn mang thì Khaôx - đó là một vực thẳm đen ngòm vô cùng vô tận, trống rỗng, mơ hồ, vật vờ phiêu dạt trong khoảng không gian bao la. Thế rồi, từ Khaôx đã nảy sinh ra thế giới với biết bao điều kỳ lạ, bí ẩn. Từ Khaôx lại nảy sinh ra Gaina - nữ thần đất, nơi sinh cơ lập nghiệp bền vững muôn đời của sinh linh vạn vật. Lại vẫn từ Khaôx nảy sinh ra Êrêbôx - chốn tối tăm vĩnh cửu và Nix - đêm tối mịt mù. Và, cũng từ Khaôx lại ra đời Tartar - địa ngục và Êrôx - tình yêu. Êrôx là

người con cuối cùng của cõi hỗn mang nhưng lại là vị thần xinh đẹp nhất với sứ mệnh làm cho thần linh, con người, cỏ cây, hoa trái và vạn vật gắn bó với nhau để tạo nên thế giới với cuộc sống muôn đời, bất diệt.

Người Hy Lạp đã sử dụng truyền thuyết không chỉ để giải thích cội nguồn của thế giới, mà còn để giải thích vì sao thế giới này luôn vận động, biến đổi và từ sự vận động, biến đổi đó dẫn đến sự tồn tại vĩnh hằng của thế giới và của sinh linh vạn vật trong thế giới ấy. Chính vì vậy và với quan niệm như vậy về vai trò của thần thoại, người Hy Lạp cổ đại đã cho rằng, thông qua thần thoại, con người tiếp cận được và nhận thức được mọi sự vật, hiện tượng và bản chất của chúng trong thế giới này. Rằng, thần thoại không chỉ giúp cho con người nhận biết thế giới, mà còn giúp cho con người thấy rõ phương thức tồn tại của chính con người trong thế giới ấy và điều quan trọng hơn, khi hồi tưởng, nhớ lại và tái hiện thế giới ấy, con người có khả năng thực hiện những gì mà các vị thần hay những bậc anh hùng đã từng thực hiện và ngày càng tiến gần đến chỗ có thể nhận biết được những điều bí ẩn, thiêng liêng của thế giới này. Không chỉ thế, với người Hy Lạp cổ đại, thần thoại còn được coi là cái đã định trước cho con người những khuôn mẫu ứng xử nhất định và ở vào cái thuở mà con người còn chưa có khoa học và chữ viết hay khoa học và chữ viết còn đóng vai trò thứ yếu trong đời sống con người, thần thoại là cái chuyển tải những thói quen và quy tắc sinh hoạt từ cha đến con, từ nhà thông thái đến học trò, từ thế hệ này sang thế hệ khác và đó chính là điều kiện sống còn cho loài người.

Với quan niệm như vậy về thần thoại, các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã tiếp nhận thần thoại và xem xét nó một cách có phê phán để đưa ra những quan điểm triết học của mình. Theo K.Giaxpe (1883 – 1969) – nhà triết học Đức, thần thoại đã trở thành chất liệu cho các

nhà triết học Hy Lạp cổ đại thể hiện quan niệm của mình về thế giới, khám phá ra những điều bí ẩn trong thế giới ấy và thể hiện chúng bằng những biểu tượng, khái niệm triết học.

Thật vậy, các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã tiếp nhận và sử dụng những tư tưởng và đề tài cơ bản của thần thoại để xây dựng học thuyết của mình nói chung, tư tưởng biện chứng nói riêng, như sự thống nhất của thế giới, tính linh hồn hoá của Vũ trụ, sự đấu tranh giữa các mặt đối lập (giữa các thần linh)... trong thần thoại Hy Lạp. Chẳng hạn, Hêraclít đã giải thích thế giới bằng những ẩn dụ - hình tượng thi ca đa nghĩa của thần thoại và coi đó như một sự mặc khải thần bí. Từ các cuộc đấu tranh của thần linh, ông đã đi đến kết luận: Trong thế giới này, vạn vật đều nằm trong đấu tranh, như ánh sáng đối lập với bóng tối, lạnh đối lập với nóng, v.v. và mỗi mặt đối lập này đều sinh ra mặt đối lập kia, là nguyên nhân của nó. Từ quan niệm về sự thống nhất của thế giới trong thần thoại, ông cho rằng sự thống nhất của thế giới là ở tính có cấu trúc, có trật tự của nó, thế giới cấu thành từ những mặt đối lập không thể tách rời. Platôn, khi đề cập đến những gì không thể diễn đạt được đã sử dụng những ẩn dụ và hình tượng thần thoại. Trong hội thoại *Phêđô*, khi nói về đời sống tâm hồn, ông đã so sánh linh hồn với vị thần có cánh trong thần thoại và suy luận về cái trợ giúp và cái đã cản trở đôi cánh phát triển để thể hiện khát vọng của con người trong việc hướng tới cái đẹp và chân lý.

Như vậy, có thể nói, giữa thần thoại và triết học Hy Lạp cổ đại luôn có mối liên hệ mang tính phát sinh. Mối liên hệ mang tính phát sinh này của triết học Hy Lạp cổ đại đối với thần thoại thể hiện ở sự thống nhất phương pháp nhìn nhận thế giới, phương pháp mang tính quyết định đối với các quan niệm thần thoại và đã trở thành một trong những phương pháp cơ bản trong các hệ

thống triết học - vũ trụ luận. Phương pháp thần thoại (đương nhiên, là cái không được ý thức) là phương pháp so sánh giữa cộng đồng huyết thống - bộ lạc, thị tộc với con người - với tư cách một yếu tố dường như hoàn toàn bị hòa tan trong cộng đồng huyết thống đó và với toàn bộ giới tự nhiên xung quanh con người. Phương pháp so sánh đó gắn liền với quan niệm mang tính chính thể, không phân hóa về giới tự nhiên xung quanh con người và với sự thống trị của các quan niệm “nhân tính hóa” và “mô phỏng xã hội” trong thần thoại.

Các quan niệm đó đóng vai trò hết sức to lớn trong triết học Hy Lạp cổ đại, đặc biệt là ở giai đoạn sinh thành của nó. Tuy nhiên, trong triết học này sự so sánh như vậy lại xuất phát từ việc con người ngày càng ý thức được cá tính của mình, ngày càng trở thành cá nhân và từ một xã hội khác - xã hội đã đổi khác về nguyên tắc so với xã hội bộ lạc - thị tộc. Đó là xã hội có giai cấp và hình thức nhà nước - thị thành đã xuất hiện. Và, nguyên tắc mang tính xây dựng của xã hội đó là nền pháp trị mà trong đó, các cơ sở đạo đức và pháp lý đã không còn có sự phân biệt một cách rạch ròi.

Vấn đề *arkhe* (khởi nguyên) đã trở thành vấn đề cơ bản trong triết học tự nhiên của Talét, Anaximandros, Anaximenes, Kxênôphan, Hêraclít và các nhà “Phixiôlô” (các nhà triết học sau này đã gọi họ như vậy) - những người mà tác phẩm của họ thường có cùng một tên gọi “Về tự nhiên”. Khởi nguyên - đó là cái không những tồn tại trước mọi sự vật và hiện tượng tự nhiên, xét về mặt phát sinh, mà còn cấu thành cơ sở hiện hữu, mang tính thực thể của chúng. Tư tưởng thần thoại của Hôme, đặc biệt là của Hêxiốt, dường như hoàn toàn hướng vào vấn đề sự sinh thành. Tư tưởng về tính thực thể cũng đã thể hiện rõ trong quan niệm về trạng thái Hỗn mang của Hêxiốt và được phát triển thêm ở các nhà triết học thời đó. Họ đã coi khởi nguyên đầu tiên, cơ sở ban

đầu là những yếu tố tự nhiên cơ bản, như nước, không khí, đất, lửa. Từ những yếu tố không những đã sinh ra tất cả mọi hiện tượng tự nhiên, mà cả vô số các thần và quỷ dữ trong thần thoại đa thần Hy Lạp cổ đại. Việc các nhà triết học Hy Lạp cổ đại tiếp nhận những khởi nguyên khác nhau không những là kết quả của việc xem xét nội dung thuần túy vật lý của các yếu tố tự nhiên, mà còn là kết quả của tín niệm cho rằng, trong tự nhiên cũng như trong nhà nước - thị thành, sự thống trị, quyền lực phải thuộc về một trong các yếu tố đó.

Phương pháp so sánh “nhân hình hóa - mô phỏng xã hội” cũng đã được các nhà triết học Hy Lạp cổ đại áp dụng khi lý giải tính quy luật trong tự nhiên. Tính quy luật đó thường gọi là *Dike* mà trong tiếng Hy Lạp, nó có nghĩa là “chính nghĩa” hay “sự thật”, và thường được thể hiện qua Nữ thần chính nghĩa. Sau khi nội dung đạo đức - pháp lý được đưa vào, khái niệm “*Dike*” đã thay thế cho quan niệm thần thoại mơ hồ về số phận với tư cách tính quy luật vũ trụ - xã hội hoàn toàn chưa bị phân hóa và không thể tránh khỏi. Hêraclít đã nói: Mặt trời không thể vượt quá mức độ đã định trước cho nó, nếu không thì cả mặt trời cũng sẽ bị trừng phạt - sự trừng phạt do “trợ thủ” của thần công lý (*Dike*) tiến hành.

Đương nhiên, phương pháp so sánh trong việc xem xét giới tự nhiên không thể là phương pháp duy nhất và toàn diện của triết học đang sinh thành. Sự xuất hiện của những khái niệm riêng trong triết học, những khái niệm phản ánh sự định hướng ngày một sâu sắc hơn vào kinh nghiệm và vào tri thức khoa học đang ngày một phát triển, và tất yếu, nó phải gắn liền với sự thâm nhập ngày một gia tăng vào lĩnh vực triết học của các phương pháp phân tích. Tuy nhiên, theo chúng tôi, đối với triết học Hy Lạp cổ đại thì phương pháp so sánh mới chính là phương pháp chủ

yếu, khi nó đưa ra một quan niệm chính thể về giới tự nhiên mà con người được coi là một yếu tố không thể tách rời.

Quan niệm mang tính chính thể về giới tự nhiên, trong đó bao hàm cả bản thân chủ thể của sự tri giác đó là biểu hiện đầu tiên của quan niệm biện chứng tự phát về thế giới. Định hướng biện chứng này có nguồn gốc từ tư duy thần thoại. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa rằng, ý thức nguyên thủy của thời đại thống trị của thần thoại đã mang tính biện chứng. Bởi lẽ, tư tưởng biện chứng đó là một biểu hiện của ý thức triết học. Khác với tri giác thần thoại về tự nhiên, tư tưởng biện chứng này quan niệm bản thân cái chính thể cũng luôn nằm trong một sự thống nhất nhất định với các bộ phận ngay một phân hóa của nó.

Một đặc trưng khác của quan niệm mang tính biện chứng tự phát về thế giới là ở chỗ, nó thừa nhận sự biến đổi không ngừng, có thể thường xuyên quan sát được trong tự nhiên. Tư duy thần thoại cũng ghi nhận tính chất biến đổi như vậy, song dường như nó lại không nhận thấy một yếu tố thực thể ổn định nào.

Khi quan sát bức tranh về những biến đổi đó, tư duy triết học và tư duy biện chứng tự phát trong triết học Hy Lạp cổ đại đã cố xác định trong tự nhiên một tính ổn định nhất định và cố tìm ra một hình thức thực thể cho nó.

Vấn đề cụ thể hóa quan niệm về tính chính thể của tự nhiên và về sự vận động không ngừng của nó là vấn đề xuyên suốt toàn bộ lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại. Sự cụ thể hóa đó dường như là điều quan trọng nhất trong việc phân tích *nguyên lý phát triển*, nguyên lý liên kết mọi sự biến đổi trong tự nhiên thành một quá trình thống nhất và xem xét con người cùng với ý thức của nó như một mắt khâu trong quá trình đó.

Nguyên lý phát triển được các nhà "Phixiôlô" trong nền triết học tự nhiên Hy Lạp cổ đại, bắt đầu từ Anaximandros, xây dựng nên trong các hệ thống tinh nguyên học

khác nhau, các hệ thống cố làm sáng tỏ nguồn gốc của các đặc điểm quan trọng nhất (theo quan niệm của người Hy Lạp cổ đại) trong vũ trụ. Ở các nhà "Phixiôlô", nguyên lý phát triển không thể tách rời quan niệm mang tính chính thể của họ về tự nhiên, quan niệm về mọi bộ phận, mọi sinh vật, mọi sự vật và hiện tượng của tự nhiên với tư cách những cái có mối liên hệ lẫn nhau. Vì đại bộ phận các nhà triết học Hy Lạp cổ đại, trước hết là các nhà triết học duy vật, đều cho rằng con người cùng với ý thức của nó là biểu hiện cao nhất của tự nhiên, nên họ đều khẳng định cần phải chỉ ra cái cơ sở khách quan cho phép lý giải mọi quá trình tự nhiên, kể cả con người cùng với tư duy của nó, đồng thời tìm ra tất cả các khâu trung gian giữa con người cùng với ý thức vốn có ở nó và các hiện tượng nguyên sơ nhất, ít hoàn hảo nhất của tự nhiên. Các nhà triết học giải quyết vấn đề này dựa trên thực trạng của tri thức khoa học tự nhiên thời đó.

Arixtôt, một trong các nhà triết học tự nhiên vĩ đại nhất thời cổ đại, đã nói tới "cái thang liên tục" nối liền thế giới khoáng vật với thế giới thực vật, thế giới thực vật với thế giới động vật và thế giới động vật với thế giới loài người. Tuy nhiên, ở Arixtôt, quan niệm về mối liên hệ phổ biến đó, mối liên hệ thống nhất toàn bộ tự nhiên, đã không được biến thành nguyên lý về sự xuất hiện các hình thức hữu cơ cao hơn từ các hình thức thô sơ, có tổ chức thấp hơn. Nếu Arixtôt, người dao động giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật, đã không thể thực hiện được nguyên lý đó, thì nhà duy tâm như Platôn lại càng không thể thực hiện được điều đó.

Thế nhưng nguyên lý phát triển dưới hình thức chung nhất đã được Hêraclit xây dựng nên và sau đó là các nhà duy vật cổ đại khác, những người đã gán cho bản nguyên thực thể đầu tiên của thế giới một đặc điểm có khả năng lý giải được ý thức của con người. Ở Hêraclit, cái giữ vai trò bản nguyên như vậy

là “ngọn lửa bất tử”. Hêraclít còn gọi cái bản nguyên đầu tiên đó là lôgos - cái đã khiến cho quan niệm về số phận được duy lý hóa về phương diện triết học. Học thuyết về lôgos với tư cách “lửa có lý tính” hay khí lực đã được phát triển ở thời đại Hy Lạp hóa trong trường phái Xtôic - trường phái đã tồn tại đến cuối giai đoạn Hy Lạp hóa - La Mã trong lịch sử Hy Lạp cổ đại. Giống như Hêraclít, họ đã khẳng định rằng, sự phát triển của thế giới diễn ra theo quy luật của lôgos, trải dài từ đá đến con người là một chuỗi sự vật khác nhau bởi cường độ khí lực ngày một cao hơn, mà cường độ khí lực cao nhất đã đạt được là ở ý thức con người.

Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể gọi một cách ước lệ quan điểm sinh động đó về tự nhiên là nguyên lý phát triển, bởi thiếu các tri thức khoa học tự nhiên, quan điểm đó không thể trở thành một học thuyết có hệ thống về sự phát triển đang diễn ra trong hiện thực. Hạn chế trong quan niệm về sự phát triển của Hêraclít, của trường phái Xtôic cũng như hàng loạt nhà triết học Hy Lạp cổ đại khác là ở chỗ, theo quan niệm đó, sự phát triển chỉ được thực hiện dưới một vài dạng thức và, khi các hình thức đó trở nên cạn kiệt, thì giới tự nhiên dường như biến mất trong ngọn lửa của “hỏa hoạn vũ trụ” để rồi sau đó, lại lặp lại một cách chính xác các chu kỳ phát triển trước đây.

Có nhiều nguyên nhân đã khiến cho các quan niệm rất có ảnh hưởng đó ở thời cổ đại trở nên phổ biến và hết sức đa dạng. Đương nhiên, một trong những nguyên nhân đó là sự ảnh hưởng của thần thoại đối với tư tưởng triết học. Còn sức mạnh của ảnh hưởng đó là tính hạn chế của tri thức khoa học tự nhiên ở thời kỳ này. Ngoài ra, còn có nguyên nhân xã hội, đó là tính trì trệ của các quá trình xã hội ở thời cổ đại và tính tương đối nghèo nàn trong các hình thức sinh hoạt xã hội của con người so với thời cận đại và hơn nữa, so với

thời hiện đại.

Định hướng biện chứng tự phát của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại còn thể hiện rõ ở việc lý giải theo lối tự nhiên chủ nghĩa về thế giới, về con người với tư cách sự kết hợp khác nhau giữa các mặt đối lập. Mầm mống của những quan niệm như vậy đã có trong tư duy thần thoại. Trong sử thi của Hôme, khởi nguyên đầy sức sống và xán lạn được đối lập với khởi nguyên phá huỷ và đen tối. Trong “Trôgôn” của Hêxiôt, nguồn gốc của các vật thể vũ trụ - tự nhiên quan trọng nhất được xem là hậu quả của tình yêu giữa nam và nữ (Hêa - đất và Uran - trời). Sau khi triết học xuất hiện trong điều kiện nhà nước - thị thành và trong cuộc đấu tranh giai cấp vốn có ở nó, thì tư tưởng về sự kết hợp các mặt đối lập được bổ sung thêm bởi tư tưởng về cuộc đấu tranh giữa chúng, bởi tư tưởng về tính khách quan của các mâu thuẫn trong tự nhiên cũng như trong xã hội. Hêraclít chính là người đầu tiên trong số các nhà biện chứng đó. Trường phái Pitago, sau đó là Platôn, Arixtôt và các nhà triết học Hy Lạp cổ đại khác đã có công phát triển học thuyết về các mặt đối lập.

Quá trình duy lý hoá thế giới quan thần thoại, quá trình đưa tới sự xuất hiện những tư tưởng biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại là quá trình dựa vào các tri thức khoa học mà Talét, sau đó là nhiều nhà triết học, nhà khoa học và hiền triết Hy Lạp cổ đại khác đã tiếp thu ở người Ai Cập, Babilon và các dân tộc cổ đại khác ở khu vực Cận Đông. Nhưng ở các nhà hiền triết Hy Lạp cổ đại, các chân lý toán học và thiên văn học đã có được một hình thức khác. Điều này trước hết có liên quan tới vai trò đặc biệt to lớn của toán học trong quá trình duy lý hóa thế giới quan. Công lao lớn nhất ở đây thuộc về trường phái Pitago. Nhờ hoạt động của trường phái này, toán học đã trở thành lĩnh vực tri thức lý luận, tri thức có sự luận chứng quan trọng nhất. □